

Thanh Hồng, ngày 27 tháng 9 năm 2024

TIÊU CHÍ THI ĐUA
(Áp dụng từ năm học 2024 – 2025)

I. TIÊU CHÍ THI ĐUA ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm trừ/ lần vi phạm/ nội dung	Quy định
1. Chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước (20 điểm)	Vi phạm các quy định của cơ quan về thực hiện pháp luật. Chính sách của Nhà Nước, quy định của ngành	20	10	Kể cả làm trái các quy định của trường dù bất cứ lý do gì.
2. Đạo đức, tác phong, kỷ luật lao động (80 điểm)	2.1. Chia rẽ nội bộ, gây mất đoàn kết.	10	10	Có kết luận của HĐĐ-KT, của Hội đồng tư vấn hoặc cơ quan chức năng.
	2.2. Trung thực trong công tác, không lợi dụng chức vụ khi thi hành công vụ	10	10	
	2.3. Hút thuốc trong trường, (trước học sinh), mặc không đúng trang phục khi lên lớp, chào cờ. Sử dụng điện thoại khi lên lớp.	10	2	Cho một trong các lỗi vi phạm sau khi được nhắc nhở (áo cổ trễ, sát nách, áo quá ngắn, váy ngắn trên gối, quần cạp trễ)
	2.4. Vi phạm ngày công	10		+ Nghỉ việc riêng nhờ người dạy, làm thay việc: trừ 1 điểm/1 lần + Nghỉ ốm báo cáo đột xuất qua điện thoại: trừ 0.5 điểm/1 lần + Nghỉ không báo cáo: phê bình, kiểm điểm trừ 10 điểm/lần. + GV trực: Không trực ban: trừ 2 điểm/1 lần, bỏ trực: trừ 1.5 điểm/1 lần, trực muộn, không ghi sổ trực: trừ 1.0 điểm/1 lần

	2.5. Vi phạm kỷ luật lao động (trễ dạy, trễ họp, trễ sinh hoạt...)	10		<ul style="list-style-type: none"> - Vào dạy muộn dưới 5 phút: trừ 0.5 điểm/ 1 lần - Vào dạy muộn 5 phút: trừ 1 điểm/ 1 lần - Vào dạy muộn 10 - 15 phút: trừ 2 điểm/ 1 lần - Vào dạy muộn > 15 phút: trừ 10 điểm/ lần - Vào họp muộn và tham gia các hoạt động khác: <ul style="list-style-type: none"> + Dưới 10 phút: trừ 1 điểm/1 lần + Từ 10- 20 phút: trừ 2 điểm/1 lần
	2.7. Nói chuyện riêng khi hội họp, không ghi chép trong hội họp, vi phạm quy chế coi chấm thi	10	2	- Nói chuyện trong hội họp (Khi chủ trì nhắc tên): trừ 0,5 điểm/1 lần
	2.8. Tuân thủ sự phân công công việc	10	5	Không thực hiện khi lãnh đạo giao việc
	2.9. Ra ngoài tỉnh không báo cáo	5	1	Tính trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ 7
3. Hoạt động dạy và học (Đối với GV) 80 điểm	3.1. Xây dựng kế hoạch giảng dạy, ghi sổ đầu bài đủ các thông tin.	10	1	<ul style="list-style-type: none"> - HP kiểm tra thứ tư (Kế hoạch giáo dục cá nhân), thứ 7 (Sổ đầu bài) - Nộp muộn trừ 0,5 điểm/tuần (sổ KHGD) - Không nộp: Trừ 1 điểm/tuần
	3.2. Sử dụng đồ dùng dạy học, làm đồ dùng dạy học	10	0.5	<ul style="list-style-type: none"> - Khi KT không có ĐD hoặc không ghi sổ mượn ĐD trừ 0.5 điểm / tháng - Không sử dụng đủ 80% số tiết trừ 3 điểm / tháng (Kiểm tra sổ ghi đồ dùng)
	3.3. Lên lớp có KHBD (có giáo án trên máy tính)	15	10	<ul style="list-style-type: none"> - Không có KHBD trừ 10 điểm. - KHBD tên và trường không đúng trừ 5 điểm
	3.4. Kiểm tra đánh giá Học sinh	10	0,5-10	<ul style="list-style-type: none"> - Trừ 1 điểm/1 lần/ 1 tập bài/ 1 lớp không theo thời gian qui định của BGH. - Kiểm tra vở HS nếu GV không có nhận xét, đánh giá quá trình học tập 0.5 điểm/HS/lần KT (Mỗi HS

				được kiểm tra ít nhất 3 lần/kì- ghi vở). - Bài kiểm tra phải có nhận xét (0.5 điểm/HS/bài KT.
	3.5. Thực hiện qui chế coi, chấm, cập nhật điểm kiểm tra học kì	10	2	- Chấm sai qui định. - Vào điểm chậm. - Trả bài KT sai thời gian yêu cầu. Ngồi coi sai vị trí, sử dụng điện thoại, làm việc riêng.
	3.6. Quản lý tốt giờ dạy trên lớp	10	2	- Đánh giá qua dự giờ đột xuất, định kỳ, qua kiểm tra của chuyên môn và tổ chuyên môn. - BGH đi kiểm tra học sinh MTT, quay lên xuống, có giáo viên trong lớp mà HS mất trật tự ảnh hưởng đến lớp khác phải có người nhắc: trừ 2 điểm/lần
	3.7. Tham gia các hoạt động tập thể do cơ quan, đơn vị, tổ, công đoàn, chi đoàn tổ chức.	5	2	Không tham gia
	3.8. GV nộp đủ phiếu dự giờ các tiết lên lớp chuyên đề.	5	2	Theo lịch kiểm tra của nhà trường mà không đủ số tiết dự quy định
	3.9. Xử lý tình huống sự phạm	10	2	Phạt H/s không đúng quy định
4. Hồ sơ sổ sách (10 điểm)	4.1. Hồ sơ cá nhân, tổ nhóm chuyên môn, KH, báo cáo...của GV	5	2	Nộp hồ sơ, báo cáo chậm theo lịch của BGH.
	4.2. Kiểm tra thẩm định CT, KH, các loại hồ sơ khác.	5		- Không đúng mẫu: trừ 0.5 điểm/ lần (nộp lần đầu). - Sai nhiều về thể thức văn bản: trừ 05 điểm/lần. - Sai nhiều về nội dung: trừ 1 điểm/lần/văn bản.
5. Công tác PCGD, công tác khác (10 điểm)	Hoàn thành nhiệm vụ	10		- Sai lệch nhiều, phải nhắc: trừ 2 điểm/ lần. - Nộp chậm kết quả: trừ 0.5 điểm/ ngày chậm. - Sai số liệu: trừ 1 điểm/ HS
Tổng		200		

II. TIÊU CHÍ THI ĐUA ĐỐI VỚI GVCN (tính vào cuối năm học)

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm trừ/ lần vi phạm/ nội dung	Quy định
Công tác chủ nhiệm (50 điểm)	4.1. Kết quả xếp loại tập thể lớp của ban thi đua hoặc ban kiểm tra	15	2	Xếp loại TB: trừ 2 điểm (Theo điểm của TPT)
	4.2. Học sinh bỏ học	15	10	Hồ sơ, thủ tục phải gửi ngay sau khi học sinh nghỉ 3 ngày. Bỏ học quá chỉ tiêu cho phép dù bất cứ lý do gì cho 0 điểm.
	4.3. Không có HS phá hoại của công, tiết kiệm điện, vi phạm khác như đánh nhau, vi phạm quy định, nội quy.	20	2	- Trừ 1 điểm/ 5 lượt HS đi dép lê, mặc không đúng quy định/ lần KT. - Trừ 0.5 điểm/HS/ lần KT nếu không đủ sách, vở. - Trừ 1 điểm/HS vi phạm nội qui (15 điều) khi BGH kiểm tra , phát hiện hoặc có GV hoặc HS khác tố giác.
Tổng		50		

*** GVCN lớp chỉ được xếp loại thi đua từ HTTNV/LĐTT trở xuống khi lớp có HS vi phạm các điều dưới đây, vì bất cứ lý do gì:**

- Không hoặc không thường xuyên giáo dục, nhắc nhở, quản lý... để HS vi phạm:
- + Bạo lực học đường: Đánh nhau gây thương tích (trong hoặc ngoài nhà trường).
- + Tệ nạn xã hội: hút , hít vận chuyển thuốc lá, ma túy, đánh bạc...

*** GVCN lớp chỉ được xếp loại thi đua từ HTNV trở xuống khi lớp có HS vi phạm điều dưới đây:**

- Không hoặc không thường xuyên giáo dục, nhắc nhở, quản lý, xử lý để học sinh: vi phạm pháp luật; những hành vi bị cấm quy định tại Luật GD 2019 và Điều lệ trường Trung học; các Cam kết đã ký với nhà trường từ mức nghiêm trọng trở lên.

**Xếp loại Không HTNV khi có HS vi phạm các điều trên từ mức rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.*

** Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng/Tổ phó chuyên môn: cùng chịu trách nhiệm liên đới, tùy theo tính chất, mức độ, nguyên nhân, hậu quả... Trong đó, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm cá nhân cao nhất và có mức xếp loại thi đua không cao hơn GVCN.*

III. TIÊU CHÍ THI ĐUA (Đối với nhân viên và người lao động)

- Giữ nguyên tiêu chuẩn 1, tiêu chuẩn 2, tiêu chuẩn 5.

- Tiêu chuẩn 3, tiêu chuẩn 4 được thay thế như sau:

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm trừ/ lần vi phạm/ nội dung	Quy định
<i>3. Hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cá nhân, kết quả công tác (70 điểm)</i>	3.1. Lịch làm việc	15	2	Treo vào thứ hai hàng tuần (Bảng lịch tổ VP) Nếu không treo, không báo lịch trừ 2điểm/lần
	3.2. Sử dụng trang thiết bị văn phòng	10	2	Đi làm việc ngoài trường phải báo cáo HT Sử dụng nếu không đúng mục đích, để người khác dùng.
	3.3. Hoàn thành nhiệm vụ của tháng	10	2	Mỗi đầu công việc chưa hoàn thành hoặc hoàn thành trễ/tháng trừ 2 điểm. Căn cứ vào KH tháng của trường, của cá nhân và các chỉ đạo riêng trong từng tuần, từng buổi họp...
	3.4. Hoàn thành hồ sơ sổ sách đúng mẫu, đúng thời gian quy định.	10	5	Trừ 5 điểm/lần KT (Nếu sai phạm).
	3.5. Đảm bảo nơi làm việc gọn gàng, ngăn nắp, đúng quy định như đóng, mở cửa, tắt quạt, điện, máy tính....	15	5	Đánh giá hàng ngày. KT đột xuất
	3.6. Không tham gia các hoạt động tập thể do cơ quan, đơn vị, tổ, công đoàn, chi đoàn tổ chức.	10	5	Tính cả công tác phổ cập GD, phong trào VH TT
<i>4. Hoạt động giáo dục của (20 điểm)</i>	4.1. Các lần kiểm tra đột xuất của ban thi đua hoặc ban kiểm tra được đánh giá	10	2	Không hoàn thành
	4.2. Phối hợp tốt với các cá nhân, tổ chức trong việc soạn thảo văn bản, trong công việc	10	5	Không đôn đốc GV thu nộp các loại tiền, thông báo không kịp thời các vấn đề liên quan nhiều đối tượng
Tổng		90		

IV. CÁCH ĐÁNH GIÁ - XẾP LOẠI

1. Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1.1. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn.

1.2. Cấp có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ theo quy định.

1.3. Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề không dùng làm căn cứ để đề nghị cấp trên khen thưởng công trạng.

1.4. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ.

Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, cá nhân, tập thể lập được thành tích thì thành tích khen thưởng được tính từ thời điểm chấp hành xong thời gian thi hành kỷ luật.

1.5. Thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân theo quy định được tính để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

1.6. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

1.7. Thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến đối với cá nhân là nữ lãnh đạo, quản lý được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung. Trường hợp cá nhân nữ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian để xét khen thưởng quá trình công hiến thực hiện theo quy định chung.

2. Điểm thưởng

2.1. Quy định cộng điểm

2.1.1. Các cuộc thi văn hóa và ngành GD tổ chức:

	Có HSG cấp huyện	Có HSG cấp tỉnh	Cấp quốc gia
- Kết quả BDHSG	Nhất: 10 điểm	Nhất : 20 điểm	Nhất: 25 điểm
	Nhì : 8 điểm	Nhì : 15 điểm	Nhì: 20 điểm
	Ba: 6 điểm	Ba: 12 điểm	Ba: 15 điểm
	KK: 4 điểm	KK: 10 điểm	KK: 10 điểm
- Kết quả GV tham gia các kỳ thi	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia
	Nhất: 8 điểm	Nhất: 10 điểm	Nhất: 20 điểm
	Nhì : 6 điểm	Nhì: 8 điểm	Nhì: 15 điểm
	Ba: 4 điểm	Ba: 6 điểm	Ba: 10 điểm
	KK: 1 điểm	KK: 2 điểm	KK: 5 điểm

Trường hợp không xếp giải (thi GVĐG, GVCN giỏi...) thì được công nhận Danh hiệu cấp huyện: cộng 4 điểm, cấp tỉnh 8 điểm. Được công nhận Danh hiệu và SGD, tỉnh tặng GK cộng 10 điểm.

2.1.2. Các cuộc thi do ngành khác phối hợp với ngành giáo dục tổ chức: KHKT, IOE, Đấu trường Toán học,...VB có 2 ngành ký (điểm chia cho GVCN và GV hướng dẫn)

- Kết quả BD hoặc tư vấn, hỗ trợ HS tham gia các cuộc thi	Có HSG cấp huyện	Có HSG cấp tỉnh	Cấp quốc gia
	Nhất: 5 điểm	Nhất : 10 điểm	Nhất: 12 điểm
	Nhì : 4 điểm	Nhì : 7 điểm	Nhì: 10 điểm
	Ba: 3 điểm	Ba: 6 điểm	Ba: 8 điểm
- Kết quả GV tham gia các cuộc thi	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia
	Nhất: 4 điểm	Nhất: 5 điểm	Nhất: 10 điểm
	Nhì : 4 điểm	Nhì: 4 điểm	Nhì: 8 điểm
	Ba: 2 điểm	Ba: 2 điểm	Ba: 5 điểm
	KK: 2 điểm	KK: 5 điểm	KK: 5 điểm
	KK: 0.5 điểm	KK: 1 điểm	KK: 3 điểm

2.1.3. Các cuộc thi không do ngành giáo dục tổ chức điểm chia cho GVCN và giáo viên hướng dẫn (điểm chia cho GVCN và GV hướng dẫn)

- Kết quả BD hoặc tư vấn, hỗ trợ HS tham gia các cuộc thi	Có HSG cấp huyện	Có HSG cấp tỉnh	Cấp quốc gia
	Nhất: 4 điểm	Nhất : 6 điểm	Nhất: 10 điểm
	Nhì : 3 điểm	Nhì : 5 điểm	Nhì: 7 điểm
	Ba: 2 điểm	Ba: 4 điểm	Ba: 6 điểm
- Kết quả GV tham gia các cuộc thi	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia
	Nhất: 4 điểm	Nhất: 5 điểm	Nhất 10 điểm
	Nhì : 3 điểm	Nhì: 4 điểm	Nhì 8 điểm
	Ba, KK 2 điểm	Ba, KK 3 điểm	Ba, KK: 5 điểm
	KK: 1 điểm	KK: 3 điểm	KK: 5 điểm

* **Kiểm tra đột xuất, hoặc có kế hoạch của SDG, PGD:** Tốt: cộng 2 điểm

* **Cộng điểm GV ôn thi vào 10:** Trường đạt hoặc vượt: mỗi GV ôn thi cộng 10 điểm (Cộng cho năm sau hoặc đề xuất khen bổ sung):

+ Cá nhân GV nào vượt chỉ tiêu của trường hoặc điểm trung bình quận: cộng 10 điểm.

+ Nếu trường không đạt chỉ tiêu trung bình của huyện thì xét riêng từng cá nhân đạt hoặc vượt trung bình của huyện.

* **Tham gia hoạt động phong trào văn nghệ, TDTT...:** cộng 1 điểm/ đợt tham gia (có tên không tham gia: trừ 5 điểm/lần).

- **Thực hiện chuyên đề cấp huyện:** cộng 5 điểm/lần

- **Thực hiện chuyên đề cấp tỉnh:** cộng 10 điểm/lần

- **Tham gia hiến máu nhân đạo:**

+ Tham gia: cộng 5 điểm/lần

+ Có tên mà không tham gia: trừ 5 điểm/lần (lý do không chính đáng).

** Cuối năm, GV không có HSG theo phân công thì trừ 5 điểm và không xếp loại xuất sắc.*

2.2. Hình thức đối với người vi phạm

Đối với CBGVNV bị kỷ luật theo mức độ tăng dần:

- Lần 1: Nhắc nhở.
- Lần 2: Trừ điểm thi đua.
- Lần 3: Phê bình trước tập thể.
- Lần 4: Phải tiếp tục thực hiện hoàn thành công việc và bị xử lý kỷ luật: Khiển trách; Cảnh cáo tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm gây ra.

* Vi phạm Điều lệ, Luật Giáo dục thì bị xử phạt theo quy định.

3. Xếp loại

3.1. Cuối HKI, HKII và cả năm đánh giá xếp loại: HTXS NV, HTTNV tương ứng danh hiệu LĐTT, CSTĐCS; HTNV và Không HTNV theo các tiêu chuẩn, tiêu chí nói trên và các văn bản hướng dẫn thi đua khen thưởng của các cấp.

3.2. GVCN xét riêng theo mục II với số điểm: 50 điểm.

3.3. XL lấy từ điểm cao đến thấp để đề nghị danh hiệu LĐTT và không quá 20% đề nghị CSTĐCS, đề nghị tặng Giấy khen, Bằng khen trong tổng số LĐTT.

4. Các đợt thi đua

- Thi đua thường xuyên theo đợt:

+ Đợt 1: cuối HK 1

+ Đợt 2: cuối năm học.

- Thi đua theo chuyên đề.

5. Các nội dung khác liên quan đến công tác thi đua thực hiện theo Nghị định 98/NĐ-CP; Thông tư 01/2024/TT-BNV; Thông tư 29/TT-BGDĐT và các văn bản hướng dẫn các cấp.

TM. BCH CÔNG ĐOÀN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Bùi Thị Tươi

Nguyễn Sinh Hiệp